

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2025 ĐẾN NGÀY 30/06/2025**



**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 37

# **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ**

Tầng 19, Tháp VPQT, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 đã được soát xét.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Duy Luân	Chủ tịch
Ông Bùi Nhật Truyền	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên
Bà Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên
Bà Phạm Thị Anh Thư	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Tạ Thị Huệ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Bùi Nhật Truyền	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đình Hường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Sỹ Khánh	Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán

Người đại diện trước Pháp luật của Công ty là Ông Bùi Nhật Truyền và Ông Nguyễn Duy Luân .

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đã thực hiện Soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:



# CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

Tầng 19, Tháp VPQT, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ban hành bởi Bộ Tài chính. Đồng thời, Công ty tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Bùi Nhật Truyền**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025



Số: 887/2025/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô*  
*Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025*

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô**

Chúng tôi đã Soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô (sau đây được gọi là “Công ty”) được lập ngày 13 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 37 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

*Vấn đề đến xử lý và bàn giao tàu Đông Mai*

Như trình bày tại thuyết minh số 7 và thuyết minh số 18 kể từ ngày 13/9/2014, theo Biên bản bàn giao tài sản số 09/2014/BBBG/ĐM-PVB ngày 13/9/2014 về việc xử lý công nợ theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng, Công ty đã bàn giao tàu Đông Mai cho Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVcombank) (ngân hàng đồng tài trợ vốn vay cùng Ngân hàng TMCP Hàng hải). Từ thời điểm này, Công ty không tiếp tục ghi nhận chi phí lãi vay phải trả và trích khấu hao tài sản cố định đối với con tàu. Tổng số lãi vay và khấu hao tại thời điểm ngừng ghi nhận lần lượt là hơn 713,6 triệu đồng và hơn 718,2 triệu đồng. Giá trị gốc vay và lãi vay phải trả liên quan đến con tàu là hơn 291 tỷ đồng đang được theo dõi trên khoản mục Phải trả dài hạn khác, trong khi giá trị còn lại của tàu Đông Mai tại ngày 13/09/2021 là hơn 158,7 tỷ đồng hiện được theo dõi trên khoản mục Phải thu dài hạn khác.



## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Cơ sở của kết luận ngoại trừ (tiếp)

Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc xử lý khoản nợ vay nêu trên (ngoài biên bản bàn giao tài sản), do đó chúng tôi không thể xác định được tính hợp lý của việc Công ty tạm dừng ghi nhận chi phí lãi vay phải trả, trích khấu hao tài sản cố định cũng như việc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định đối với tàu Đông Mai.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoài vấn đề được nêu tại “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ chính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.4, tại 30/06/2025, khoản lỗ lũy kế của Công ty là hơn 945,295 tỷ đồng (tại 31/12/2024 là 950,880 tỷ đồng), vốn chủ sở hữu âm hơn 805,529 tỷ đồng (tại 31/12/2024 là 811,204 tỷ đồng), các khoản Vay và nợ thuê tài chính đều đã quá hạn. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên, trong năm 2024, Công ty đã ký kết hai thỏa thuận tái cơ cấu nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC), theo đó DATC mua lại các khoản nợ từ các ngân hàng cho vay. Một thỏa thuận đã hoàn thành và Công ty đã ghi nhận kết quả xử lý nợ trong năm 2024; thỏa thuận còn lại đang trong quá trình thực hiện và dự kiến sẽ được giảm trừ nợ khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ thanh toán.

Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty đã Xây dựng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030, với mục tiêu tạo lợi nhuận hàng năm trên cơ sở tái cấu trúc tài sản và nợ phải trả, tăng cường hiệu quả hoạt động và đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ.

Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động kinh doanh liên tục.

Vấn đề nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến kết luận kiểm toán đã trình bày.



**Lê Quang Nghĩa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>90.103.614.713</b>	<b>96.686.566.429</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.767.449.333	8.395.887.287
Tiền	111		7.767.449.333	8.395.887.287
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.860.111.537</b>	<b>43.247.596.594</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	29.374.032.356	26.618.460.341
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	5.910.046.251	1.635.922.622
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.367.135.544	14.993.213.631
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.791.102.614)	-
Hàng tồn kho	140	9	6.765.808.031	11.420.674.238
Hàng tồn kho	141		6.765.808.031	11.420.674.238
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.210.245.812</b>	<b>31.122.408.310</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	426.344.178	1.064.402.003
Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.781.909.768	30.056.014.441
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.991.866	1.991.866
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>286.700.179.833</b>	<b>324.409.629.658</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>158.710.066.366</b>	<b>168.125.905.791</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	-	8.314.367.406
Trả trước cho người bán dài hạn	212	10	-	571.391.601
Phải thu dài hạn khác	216	7	158.710.066.366	161.031.249.398
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	8	-	(1.791.102.614)
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>93.008.830.046</b>	<b>112.408.003.319</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	93.008.830.046	112.408.003.319
- Nguyên giá	222		905.424.364.466	1.093.925.928.949
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(812.415.534.420)	(981.517.925.630)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	11	<b>17.195.534.354</b>	<b>17.195.534.354</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		17.195.534.354	17.195.534.354
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>17.785.749.067</b>	<b>26.680.186.194</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	17.785.749.067	26.680.186.194
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>376.803.794.546</b>	<b>421.096.196.087</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.182.333.119.314</b>	<b>1.232.300.218.097</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>527.389.611.768</b>	<b>61.144.450.258</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	34.374.818.695	21.444.203.649
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.869.228.113	2
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	319.481.845	550.669.013
Phải trả người lao động	314		8.179.938.491	11.350.757.011
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	325.037.564.459	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.744.760.826	6.801.152.968
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	6.908.499.746	1.351.703.705
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	145.954.075.683	19.644.720.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.243.910	1.243.910
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>654.943.507.546</b>	<b>1.171.155.767.839</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	14	-	10.675.021.971
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	1.869.228.113
Chi phí phải trả dài hạn	333	17	-	317.541.824.691
Phải trả dài hạn khác	337	18	291.888.287.522	297.445.773.084
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	363.055.220.024	543.623.919.980
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(805.529.324.768)</b>	<b>(811.204.022.010)</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>(805.529.324.768)</b>	<b>(811.204.022.010)</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		122.444.950.000	122.444.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		122.444.950.000	122.444.950.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.621.485.000	4.621.485.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.800.000.000	1.800.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(30.000)	(30.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		9.303.967.442	9.303.967.442
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(945.295.295.770)	(950.880.316.091)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(950.880.316.091)	(968.022.058.422)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.585.020.321	17.141.742.331
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.595.598.560	1.505.921.639
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>376.803.794.546</b>	<b>421.096.196.087</b>

*Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025*

Người lập biểu



**Trần Kim Ân**

Trưởng Phòng  
Tài chính - Kế toán



**Trần Sỹ Khánh**



Tổng Giám đốc



**Bùi Nhật Truyền**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025 VND	Từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	124.147.449.378	119.755.043.475
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>124.147.449.378</b>	<b>119.755.043.475</b>
Giá vốn hàng bán	11	21	140.105.608.935	149.050.776.726
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>(15.958.159.557)</b>	<b>(29.295.733.251)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	4.035.686.155	696.207.563
Chi phí tài chính	22	23	11.642.412.175	57.825.228.744
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>10.886.696.240</i>	<i>42.025.317.073</i>
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	8.140.169.620	9.461.983.524
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(31.705.055.197)</b>	<b>(95.886.737.956)</b>
Thu nhập khác	31	25	37.928.921.253	24.420.371.383
Chi phí khác	32	26	431.714.860	1.149.676.544
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>37.497.206.393</b>	<b>23.270.694.839</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>5.792.151.196</b>	<b>(72.616.043.117)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		117.453.954	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>5.674.697.242</b>	<b>(72.616.043.117)</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		5.585.020.321	(72.481.953.295)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		89.676.921	(134.089.822)
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>28</b>	<b>456</b>	<b>(5.920)</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Trưởng Phòng  
Tài chính - Kế toán

Tổng Giám đốc

Trần Kim Ân

Trần Sỹ Khánh

Bùi Nhật Truyền



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>5.792.151.196</b>	<b>(72.616.043.117)</b>
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.399.173.273	24.141.054.666
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		755.715.935	14.596.667.323
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(38.037.443.085)	(647.945.063)
Chi phí lãi vay	06		10.886.696.240	42.025.317.073
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(1.203.706.441)</b>	<b>7.499.050.882</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.296.759.769	7.387.811.573
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4.654.866.207	(2.899.437.922)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.237.914.977)	14.876.597.980
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		9.532.494.952	(3.061.414.417)
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.093.675.172)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(79.967.021)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>14.042.499.510</b>	<b>22.628.965.903</b>
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		37.927.777.778	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(43.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	20.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(109.665.307)	764.249.172
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>37.818.112.471</b>	<b>(22.235.750.828)</b>
Tiền trả nợ gốc vay	34		(51.733.334.000)	(28.333.520.828)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(51.733.334.000)</b>	<b>(27.933.520.828)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>127.277.981</b>	<b>(27.540.305.753)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>8.395.887.287</b>	<b>35.159.049.263</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(755.715.935)	(399.001.602)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>7.767.449.333</b>	<b>7.219.741.908</b>

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

Người lập biểu

Trưởng Phòng  
Tài chính - Kế toán

Tổng Giám đốc

Trần Kim Ân

Trần Sỹ Khánh

Bùi Nhật Truyền



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Hàng Hải Đông Đô (sau đây được gọi là “Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Hàng hải Đông Đô theo Quyết định số 2315 ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải và được cấp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105253 ngày 25/12/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đã đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 12/10/2021.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 30/06/2025 là 122.444.950.000 đồng chia thành 12.244.495 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/ cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 30/06/2025 là 35 người (tại ngày 31/12/2024 là 42 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ vận tải biển.

**1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

- Vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy;
- Đại lý xăng dầu và vật tư kỹ thuật;
- Đại lý hàng hóa;
- Đại lý môi giới và vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh xếp dỡ kho và bãi cảng;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Cung ứng thuyền viên (Không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động).

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét và hoàn toàn có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Danh sách các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất Báo cáo tài chính:

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Công ty con</b>			
- Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	72%	72%	Cung ứng và quản lý nguồn lao động
<b>Công ty liên doanh, liên kết</b>			
- Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (VDS)	49%	49%	Sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện vận tải, sửa chữa máy móc thiết bị, dịch vụ vệ sinh tàu biển, đóng tàu và cầu kiện nổi, dịch vụ môi giới hàng hải;
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô	21%	21%	Vận tải hàng hóa Container bằng đường biển trong nước và quốc tế, dịch vụ logistics

**Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại thành phố Hải Phòng	Số 21, Võ Thị Sáu, Hải Phòng
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	62 Bis, Huỳnh Thúc Kháng, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**2.3 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các giao dịch và sổ dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty Con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này là:

Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô

- Địa chỉ: Số 47 Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, TP Hải Phòng, Việt Nam.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 72%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 100%.

**Đầu tư vào Công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của Công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

**2.4 GIẢ ĐỊNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại ngày 30/06/2025, khoản lỗ lũy kế của Công ty là hơn 945,295 tỷ đồng (tại 31/12/2024 là 950,880 tỷ đồng), vốn chủ sở hữu âm hơn 805,529 tỷ đồng (tại 31/12/2024 là 811,204 tỷ đồng), các khoản Vay và nợ thuê tài chính đều đã quá hạn. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Năm 2024, Công ty đã ký kết hai thỏa thuận tái cơ cấu nợ với Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC), theo đó DATC mua lại các khoản nợ từ các ngân hàng cho vay. Cụ thể:

- Thỏa thuận thứ nhất đã được Công ty hoàn thành trong năm 2024 và ghi nhận một phần thu nhập từ việc xử lý nợ.
- Thỏa thuận thứ hai được ký vào cuối năm 2024 và hiện đang trong quá trình thực hiện. Phần chênh lệch nợ gốc và lãi liên quan dự kiến sẽ được giảm trừ khi Công ty hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận này.

Đồng thời, Ban lãnh đạo Công ty đã Xây dựng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030, với mục tiêu tạo lợi nhuận hàng năm trên cơ sở tái cấu trúc tài sản và nợ phải trả, tăng cường hiệu quả hoạt động và đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ.

Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động kinh doanh liên tục.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

***Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.

- Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm công ty. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm công ty trong trường hợp cần thiết.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi và được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Doanh nghiệp.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Cụ thể, Công ty trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

#### 3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối kỳ kế toán cho từng mặt hàng tồn kho có chênh lệch lớn hơn giữa giá gốc hàng tồn kho và giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 30/06/2025, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

#### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Thời gian sử dụng ước tính như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	04 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng,.... Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa lớn đội tàu.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

**3.10 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.

**3.11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm chi phí lãi vay và các khoản khác. Chi phí phải trả là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, bên liên quan và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thanh toán.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.13 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm tài chính, trừ các khoản vay hợp nhất biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### **3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ sau thuế lũy kế) phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại thời điểm báo cáo.

#### **3.15 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ liên quan đến vận chuyển đường thủy và các khoản doanh thu dịch vụ khác.

##### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **3.16 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm tài chính, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

#### **3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong năm tài chính chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

#### **3.18 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Doanh nghiệp.

#### **3.19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

##### Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

##### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại trong kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

##### Thuế khác

Các loại thuế, phí khác Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **3.20 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.20 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**3.21 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện. Báo cáo bộ phận được trình bày tại Báo cáo hợp nhất của Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kiểm toán số 29 - Báo cáo bộ phận.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	354.447.290	438.673.342
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.413.002.043	7.957.213.945
	<u>7.767.449.333</u>	<u>8.395.887.287</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐỒNG ĐỒ**

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,

Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

30/06/2025		01/01/2025	
Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>

Tiền gửi có kỳ hạn

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>	<b>29.374.032.356</b>	<b>(1.791.102.614)</b>	<b>26.618.460.341</b>	-
- Vina Bridge Shipping Co.,Ltd	757.150.720	-	5.801.727.586	-
- Hemisphere Trading and Transport Co.,Ltd	-	-	3.649.258.738	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Container VIMC	-	-	2.004.677.253	-
- Toma International Shipping Co.,Ltd	240.068.133	-	5.629.569.061	-
- Công ty Cổ phần Logistics U&I - Miền Bắc	-	-	2.126.672.280	-
- Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam	3.205.078.064	-	3.205.078.064	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Quốc tế ITC	6.379.228.035	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại NCL	8.784.207.769	-	-	-
- Các khoản khác	10.008.299.635	(1.791.102.614)	4.201.477.359	-
<b>Phải thu dài hạn khách hàng</b>	-	-	<b>8.314.367.406</b>	<b>(1.791.102.614)</b>
- Vina Bridge Shipping Co.,Ltd	-	-	2.037.352.041	(355.606.229)
- Các khoản khác	-	-	6.277.015.365	(1.435.496.385)
	<b>29.374.032.356</b>	<b>(1.791.102.614)</b>	<b>34.932.827.747</b>	<b>(1.791.102.614)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ**

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,

Thành phố Hà Nội

**Mẫu số B 09a – DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.367.135.544</b>	-	<b>14.993.213.631</b>	-
- Tạm ứng	4.150.790.242	-	9.395.931.535	-
- Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	2.180.230.000	-	2.030.000.000	-
- Các khoản khác	3.036.115.302	-	3.567.282.096	-
<b>Dài hạn</b>	<b>158.710.066.366</b>	-	<b>161.031.249.398</b>	-
- Đặt cọc, ký quỹ, ký cược	-	-	120.230.000	-
- Giá trị còn lại của Tàu Đông Mai (*)	158.710.066.366	-	158.710.066.366	-
- Công ty TNHH Sửa chữa Tàu biển Vinaline	-	-	1.245.722.926	-
- Các khoản phải thu khác	-	-	955.230.106	-
	<b>168.077.201.910</b>	-	<b>176.024.463.029</b>	-

(\*) Kể từ ngày 13/9/2014, theo Biên bản bàn giao tài sản số 09/2014/BBBG/ĐM-PVB ngày 13/9/2014 về việc xử lý công nợ theo yêu cầu của các tổ chức tín dụng, Công ty đã bàn giao tàu Đông Mai cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (Pvcombank) (ngân hàng đồng tài trợ vốn vay cùng Ngân hàng TMCP Hàng hải). Từ thời điểm này, Công ty không tiếp tục ghi nhận chi phí lãi vay phải trả và trích khấu hao tài sản cố định đối với con tàu. Tổng số lãi vay và khấu hao tại thời điểm ngừng ghi nhận lần lượt là hơn 713,6 triệu đồng và hơn 718,2 triệu đồng. Giá trị gốc vay và lãi vay phải trả liên quan đến con tàu là hơn 291 tỷ đồng đang được theo dõi trên khoản mục Phải trả dài hạn khác, trong khi giá trị còn lại của tàu Đông Mai là hơn 158,7 tỷ đồng hiện được theo dõi trên khoản mục Phải thu dài hạn khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ**

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,

Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**8. NỢ XẤU**

	30/06/2025				01/01/2025			
	Giá gốc		Dự phòng		Giá gốc		Dự phòng	
	VND		VND		VND		VND	
- Công ty TNHH Vận tải Thành Cường	22.912.500		(22.912.500)		22.912.500		(22.912.500)	
- Vina Bridge Shipping Co., Ltd	355.606.229		(355.606.229)		355.606.229		(355.606.229)	
- Công ty CP Vận tải Container Đông Đô	797.459.392		(797.459.392)		797.459.392		(797.459.392)	
- Mihaud International Co., Ltd	10.216.500		(10.216.500)		10.216.500		(10.216.500)	
- Shui Fong Pte., Ltd	21.634.334		(21.634.334)		21.634.334		(21.634.334)	
- SL Shipping Land Pte., Ltd	583.273.659		(583.273.659)		583.273.659		(583.273.659)	
	<b>1.791.102.614</b>		<b>(1.791.102.614)</b>		<b>1.791.102.614</b>		<b>(1.791.102.614)</b>	

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc		Giá gốc	
	VND	Dự phòng VND	VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.765.808.031	-	11.420.674.238	-
	<b>6.765.808.031</b>	-	<b>11.420.674.238</b>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

10. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.910.046.251</b>	-	<b>1.635.922.622</b>	-
- Công ty TNHH MTV Đồng tàu Phà Rừng	3.385.491.389	-	165.310.200	-
- Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại và Sản xuất Giang Châu	376.241.721	-	694.191.000	-
- Các khoản khác	2.148.313.141	-	776.421.422	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	<b>571.391.601</b>	-
- Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	-	-	100.000.000	-
- Zeros Shipping Co., LTD.	-	-	81.588.435	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư & Xây dựng Tài nguyên nước	-	-	60.000.000	-
- Các khoản khác	-	-	329.803.166	-
<b>Cộng</b>	<b>5.910.046.251</b>	-	<b>2.207.314.223</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
- Giá trị ụ nổi	17.195.534.354	17.195.534.354
	<b>17.195.534.354</b>	<b>17.195.534.354</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>426.344.178</b>	<b>1.064.402.003</b>
- Chi phí bảo hiểm	407.763.407	1.033.885.042
- Các khoản khác	18.580.771	30.516.961
<b>Dài hạn</b>	<b>17.785.749.067</b>	<b>26.680.186.194</b>
- Chi phí sửa chữa lớn - Đội tàu	17.769.624.707	26.659.614.834
- Các khoản khác	16.124.360	20.571.360
	<b>18.212.093.245</b>	<b>27.744.588.197</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

**THUYẾT MINH BẠO CAO TẠI CHINH HỘ NHẤT GIỚI (1945)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

### 13. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Tại 01/01/2025	27.327.243.509	36.363.636	1.066.227.849.704	334.472.100	1.093.925.928.949
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(188.501.564.483)	-	(188.501.564.483)
Tại 30/06/2025	27.327.243.509	36.363.636	877.726.285.221	334.472.100	905.424.364.466
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại 01/01/2025	(13.315.764.495)	(36.363.636)	(967.831.325.399)	(334.472.100)	(981.517.925.630)
- Khấu hao trong kỳ	(372.707.712)	-	(19.026.465.561)	-	(19.399.173.273)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	188.501.564.483	-	188.501.564.483
Tại 30/06/2025	(13.688.472.207)	(36.363.636)	(798.356.226.477)	(334.472.100)	(812.415.534.420)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2025	14.011.479.014	-	98.396.524.305	-	112.408.003.319
Tại 30/06/2025	13.638.771.302	-	79.370.058.744	-	93.008.830.046

- Giá trị còn lại của TSCĐ tại ngày 30/06/2025 dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là 97.991.532.300 đồng (Tại ngày 01/01/2025 là 97.991.532.300 đồng).

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2025 hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 309.202.373.690 đồng (Tại ngày 01/01/2025 là 309.202.373.690 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐỒNG ĐỒ**

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,  
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>34.374.818.695</b>	<b>34.374.818.695</b>	<b>21.444.203.649</b>	<b>21.444.203.649</b>
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Quốc tế Đại Minh	7.566.735.738	7.566.735.738	5.890.566.148	5.890.566.148
- KPI Bridge Oil Ltd	-	-	3.417.190.740	3.417.190.740
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)	1.655.897.691	1.655.897.691	1.655.897.691	1.655.897.691
- Công ty TNHH Alberta Việt Nam	954.846.480	954.846.480	1.012.450.000	1.012.450.000
- VINABRIDGE SHIPPING CO., LTD	-	-	3.644.658.518	3.644.658.518
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kim Việt	2.274.545.856	2.274.545.856	1.985.540.400	1.985.540.400
- Hemisphere Trading Transport Co., Ltd	4.222.149.750	4.222.149.750	-	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	1.597.958.370	1.597.958.370	-	-
- Công ty Cổ phần Công trình Đường thủy Vinawaco	1.098.520.200	1.098.520.200	-	-
- Các khoản khác	15.004.164.610	15.004.164.610	3.837.900.152	3.837.900.152
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.675.021.971</b>	<b>10.675.021.971</b>
- Hemisphere Trading Transport Co., Ltd	-	-	4.222.149.750	4.222.149.750
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Hạ Long	-	-	1.597.958.370	1.597.958.370
- Công ty Cổ phần Công trình Đường thủy Vinawaco	-	-	1.098.520.200	1.098.520.200
- Các khoản khác	-	-	3.756.393.651	3.756.393.651
	<b>34.374.818.695</b>	<b>34.374.818.695</b>	<b>32.119.225.620</b>	<b>32.119.225.620</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐỒNG ĐỒ**

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,  
Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

Mẫu số B 09a – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2025	Số phải nộp/ thu trong kỳ VND	Số đã thực nộp/ thu trong kỳ VND	01/01/2025
<b>Phải nộp</b>	<b>319.481.845</b>	<b>727.736.349</b>	<b>958.923.517</b>	<b>550.669.013</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	183.097.089	395.275.871	673.708.591	461.529.809
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	106.711.951	117.453.954	27.177.080	16.435.077
- Thuế thu nhập cá nhân	29.672.805	90.640.173	133.671.495	72.704.127
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	117.366.351	117.366.351	-
- Các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
	<b>319.481.845</b>	<b>727.736.349</b>	<b>958.923.517</b>	<b>550.669.013</b>
<b>Phải thu</b>	<b>01/01/2025</b>	<b>Số đã thực thu/ phải nộp trong kỳ VND</b>	<b>Số thực nộp/ thu trong kỳ VND</b>	<b>30/06/2025</b>
- Các loại thuế khác	1.991.866	-	-	1.991.866
	1.991.866			1.991.866
	<b>1.991.866</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.991.866</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐỒNG ĐỒ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,  
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày  
22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2025			Trong năm		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND		VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	145.954.075.683	145.954.075.683		130.035.365.956	3.726.010.273	19.644.720.000	19.644.720.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	145.954.075.683	145.954.075.683		130.035.365.956	3.726.010.273	19.644.720.000	19.644.720.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch (1)	16.400.010.000	16.400.010.000		10.000	1.200.000.000	17.600.000.000	17.600.000.000
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - DATC (2)	22.466.669.200	22.466.669.200		22.466.669.200	-	-	-
- Ngân hàng TNHH Indovina (3)	107.087.396.483	107.087.396.483		107.568.686.756	2.526.010.273	2.044.720.000	2.044.720.000
b) Vay dài hạn	363.055.220.024	363.055.220.024		-	180.568.699.956	543.623.919.980	543.623.919.980
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch (1)	-	-		-	10.000	10.000	10.000
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - DATC (2)	363.055.220.024	363.055.220.024		-	73.000.003.200	436.055.223.224	436.055.223.224
- Ngân hàng TNHH Indovina (3)	-	-		-	107.568.686.756	107.568.686.756	107.568.686.756
Cộng	509.009.295.707	509.009.295.707		130.035.365.956	184.294.710.229	563.268.639.980	563.268.639.980

- (1) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch theo các Hợp đồng tín dụng số 01/2006/HĐTD và 06/2006/HĐTD với hạn mức tín dụng lần lượt là 81.000.000.000 VND và 122.778.000.000 VND, lãi suất 7,8%/năm. Tài sản đảm bảo là Tàu Đông Ba và Tàu Đông Phú.
- (2) Ngày 28/10/2024, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch và Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 32/2024/HĐMBN-DATC-AGRIBANK, theo đó DATC nhận mua lại khoản nợ của Công ty tại Agribank – Chi nhánh Sở Giao dịch với giá trị 160 tỷ đồng. Khoản nợ này được đảm bảo bằng các tài sản: Tàu Đông Phong (đổi tên thành Tàu Đông Thịnh), Tàu Đông Thanh (đổi tên thành Tàu Đông Minh), Tàu Đông Phú, Tàu Đông An. Trong kỳ, Công ty đã thanh lý Tàu Đông Phong và tàu Đông An, toàn bộ số tiền thu được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ nợ đối với DATC.



CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐỒNG ĐÒ

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(3) Đây là phần dư nợ phải trả Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng đồng tài trợ số 01/IVBDD-PVFC/HDDTT/2008 ký ngày 07/03/2008 giữa Ngân hàng TNHH Indovina – Chi nhánh Đống Đa (IVB – ngân hàng đầu mối) và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long (PVcombank – ngân hàng hợp vốn) về việc cấp tín dụng cho Công ty Cổ phần Hàng Hải Đồng Đò. Sau khi IVB đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng phần cho vay của mình cho Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) theo thỏa thuận mua bán nợ số 01/2024/HĐMBN-DATC-IVB ngày 12/01/2024, phần nghĩa vụ cho vay này vẫn được tiếp tục duy trì với PVcombank theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Thuyết minh chi tiết số dư vay:  
Số hợp đồng      Thời hạn (năm)      Lãi suất      Đơn vị      Tổng giá trị khoản vay      Số dư theo nguyên tệ tại 30/06/2025      Giá trị Quy đổi VND tại 30/06/2025      Trong đó Nợ dài hạn đến hạn trả (Quy đổi VND)      Tài sản đảm bảo

(1) Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch

01/2006/HĐTD	10	7,80%	VND	81.000.000.000	-	16.400.010.000	16.400.010.000	Thế chấp tàu Đông Ba
06/2006/HĐTD	11	7,80%	VND	122.778.000.000	-	10.000	10.000	

(2) Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long (Ngân hàng TNHH Indovina)

2037/IVBDD-HDNH/2008	9	Sibor 6 tháng + 2,2%/năm	Sibor	12.665.000	4.288.642,23	107.087.396.483	107.087.396.483	Thế chấp tàu Đông Du
----------------------	---	--------------------------	-------	------------	--------------	-----------------	-----------------	----------------------

(3) Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam -DATC

	3	7,4%	VND	496.055.223.233	-	385.521.889.224	22.466.669.200	Thế chấp tàu Đông Phú, tàu Đông Phong, tàu Đông An, tàu Đông Thanh
--	---	------	-----	-----------------	---	-----------------	----------------	--



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>325.037.564.459</b>	<b>-</b>
Chi phí lãi vay phải trả	325.037.564.459	-
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>317.541.824.691</b>
Chi phí lãi vay phải trả	-	317.541.824.691
	<b>325.037.564.459</b>	<b>317.541.824.691</b>

**18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.908.499.746</b>	<b>1.351.703.705</b>
- Kinh phí công đoàn	957.779.151	735.017.607
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	300.000.000	300.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.650.720.595	316.686.098
<b>Dài hạn</b>	<b>291.888.287.522</b>	<b>297.445.773.084</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	291.888.287.522	297.445.773.084
+ Bảo hiểm Pjico tạm ứng cho sự cố bờ kè NMSCTB	-	5.532.374.371
+ Giá trị gốc và lãi vay phải trả - tàu Đông Mai (*)	291.030.252.528	291.030.252.528
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	858.034.994	883.146.185
	<b>298.796.787.268</b>	<b>298.797.476.789</b>

(\*) Bao gồm cả gốc và lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Pcombank, Công ty đã chuyển khoản vay này sang theo dõi tại khoản mục Phải trả khác khi thực hiện bàn giao tàu Đông Mai (xem thêm tại Thuyết minh số 7 – Phải thu khác).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	1.800.000.000	9.303.967.442	(969.002.058.422)	2.522.114.353	(828.309.571.627)		
- Phân loại lại	-	-	-	-	-	980.000.000	(980.000.000)	-		
- Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	-	-	-	17.141.742.331	(36.192.714)	17.105.549.617		
31/12/2024	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	1.800.000.000	9.303.967.442	(950.880.316.091)	1.505.921.639	(811.204.022.010)		
01/01/2025	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	1.800.000.000	9.303.967.442	(950.880.316.091)	1.505.921.639	(811.204.022.010)		
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	5.585.020.321	89.676.921	5.674.697.242		
30/06/2025	122.444.950.000	4.621.485.000	(30.000)	1.800.000.000	9.303.967.442	(945.295.295.770)	1.595.598.560	(805.529.324.768)		



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	59.965.730.000	49%	59.965.730.000	49%
Vốn góp của các đối tượng khác	62.479.220.000	51%	62.479.220.000	51%
<b>Cộng</b>	<b>122.444.950.000</b>	<b>100%</b>	<b>122.444.950.000</b>	<b>100%</b>

**19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC**

	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu kỳ	122.444.950.000	122.444.950.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	122.444.950.000	122.444.950.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**19.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2025	01/01/2025
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.244.495	12.244.495
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	12.244.495	12.244.495
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	3	3
+ Cổ phiếu phổ thông	3	3
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.244.492	12.244.492
+ Cổ phiếu phổ thông	12.244.492	12.244.492
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**19.5 CÁC QUỸ**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.303.967.442	9.303.967.442

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ**

Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
- Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải biển	118.689.112.553	112.284.799.137
- Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	5.458.336.825	7.470.244.338
	<b>124.147.449.378</b>	<b>119.755.043.475</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
- Giá vốn cung cấp dịch vụ vận tải biển	137.052.263.058	143.169.045.819
- Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	3.053.345.877	5.881.730.907
	<b>140.105.608.935</b>	<b>149.050.776.726</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	109.665.307	647.945.063
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.926.020.848	48.262.500
	<b>4.035.686.155</b>	<b>696.207.563</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	10.886.696.240	42.025.317.073
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.203.244.348
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	755.715.935	14.596.667.323
	<b>11.642.412.175</b>	<b>57.825.228.744</b>

**24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.192.976.654	6.191.759.833
Chi phí vật liệu quản lý	123.553.064	156.840.719
Chi phí đồ dùng văn phòng	85.560.231	137.692.951
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	380.166.942	467.904.301
Thuế, phí và lệ phí	124.366.351	167.823.594
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.206.979.537	1.093.517.193
Chi phí bằng tiền khác	1.026.566.841	1.246.444.933
	<b>8.140.169.620</b>	<b>9.461.983.524</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ**Tầng 19, Tháp VPQT Hòa Bình, Số 106 Hoàng Quốc Việt,  
Phường Nghĩa Đô, Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
- Thanh lý tài sản	37.927.777.778	-
- Chênh lệch giá nhiên liệu bàn giao tàu cho thuê	-	884.850.726
- Tiền bồi thường bảo hiểm	-	819.357.059
- Tiền bồi thường giải tỏa mặt bằng	-	22.666.878.597
- Các khoản khác	1.143.475	49.285.001
	<b>37.928.921.253</b>	<b>24.420.371.383</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
- Chênh lệch giá nhiên liệu bàn giao tàu cho thuê	425.883.778	1.120.814.490
- Các khoản chi phí khác	5.831.082	28.862.054
	<b>431.714.860</b>	<b>1.149.676.544</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	25.938.858.189	36.736.626.999
- Chi phí nhân công	31.451.279.986	40.081.254.519
- Khấu hao tài sản cố định	19.399.173.273	24.157.113.225
- Thuế phí và lệ phí	124.366.351	2.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.089.990.772	54.101.566.514
- Chi phí bằng tiền khác	11.242.109.984	3.434.198.993
	<b>148.245.778.555</b>	<b>158.512.760.250</b>

**28. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 30/06/2025	Từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024
	VND	VND
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	5.585.020.321	(72.481.953.295)
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	-
- Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	12.244.492	12.244.492
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>456</b>	<b>(5.920)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải biển VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
<b>Kết quả kinh doanh</b>			
Doanh thu	118.689.112.553	5.458.336.825	124.147.449.378
Giá vốn	137.052.263.058	3.053.345.877	140.105.608.935
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(18.363.150.505)</b>	<b>2.404.990.948</b>	<b>(15.958.159.557)</b>
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	370.028.002.098	6.775.792.448	376.803.794.546
Tài sản không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>370.028.002.098</b>	<b>6.775.792.448</b>	<b>376.803.794.546</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	1.181.255.893.150	1.077.226.164	1.182.333.119.314
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.181.255.893.150</b>	<b>1.077.226.164</b>	<b>1.182.333.119.314</b>

**Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024**

Chỉ tiêu	Dịch vụ vận tải biển VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
<b>Kết quả kinh doanh</b>			
Doanh thu	112.284.799.137	7.470.244.338	119.755.043.475
Giá vốn	143.169.045.819	5.881.730.907	149.050.776.726
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(30.884.246.682)</b>	<b>1.588.513.431</b>	<b>(29.295.733.251)</b>
<b>Tài sản</b>			
Tài sản bộ phận	438.515.504.253	6.603.322.682	445.118.826.935
Tài sản không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>438.515.504.253</b>	<b>6.603.322.682</b>	<b>445.118.826.935</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả bộ phận	1.397.037.908.562	1.225.031.115	1.398.262.939.677
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.397.037.908.562</b>	<b>1.225.031.115</b>	<b>1.398.262.939.677</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**30. THÔNG TIN KHÁC****30.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (VDS)	Công ty liên kết
- Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô	Công ty liên kết

**Số dư với bên liên quan**

	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty TNHH sửa chữa tàu biển Vinalines - Đông Đô	97.685.000	97.685.000
Công ty TNHH Sửa chữa tàu biển Vinalines Đông Đô (VDS)	24.850.000	24.850.000
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Công ty Cổ phần Phát triển Hàng hải Đông Đô	355.606.229	355.606.229
Công ty Cổ phần Vận tải Container Đông Đô	797.459.392	797.459.392

**Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

	<u>Chức vụ</u>	<u>Từ 01/01/2025</u> <u>đến 30/06/2025</u>	<u>Từ 01/01/2024</u> <u>đến 30/06/2024</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị</b>		<b>347.930.000</b>	<b>209.128.000</b>
Ông Nguyễn Duy Luân	Chủ tịch HĐQT	227.930.000	109.901.000
Ông Trần Quang Toàn	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	-	17.045.000
Bà Phạm Thị Anh Thư	Thành viên HĐQT	30.000.000	10.182.000
Bà Phạm Thị Thu Hoài	Thành viên HĐQT	30.000.000	24.000.000
Ông Bùi Nhật Truyền	Thành viên HĐQT	30.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	30.000.000	24.000.000
<b>Lương Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>572.557.000</b>	<b>675.241.888</b>
Ông Bùi Nhật Truyền	Tổng Giám đốc	207.662.000	175.138.000
Ông Nguyễn Duy Luân	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	-	114.318.888
Ông Bùi Đình Hường	Phó Tổng Giám đốc	179.474.000	206.857.000
Ông Đỗ Minh Hà	Phó Tổng Giám đốc	185.421.000	178.928.000
<b>Thù lao Ban Kiểm soát</b>		<b>78.000.000</b>	<b>59.818.000</b>
Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng Ban Kiểm soát	30.000.000	10.182.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 11/04/2024)	-	13.636.000
Bà Tạ Thị Huệ	Thành viên	24.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên	24.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>		<b>998.487.000</b>	<b>944.187.888</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

**31. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Hàng hải Đông Đô.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

**Người lập biểu**

**Trần Kim Ân**

**Trưởng Phòng  
Tài chính - Kế toán**

**Trần Sỹ Khánh**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Nhật Truyền**

